

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 444/2023/HC-PT

Ngày: 21/6/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tất Nam;

Ông Nguyễn Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Lê Thị Thu Hà
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại đầu cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, tại đầu cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh T. Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 33/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 147/2022/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6844/2023/QĐPT-HC ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh T; SĐT: 0368.861.521; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh T; có mặt.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Gia D - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Gia D: Ông Nguyễn Văn Đ -
Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T; có đơn xin xét xử

vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T: Ông Nguyễn Văn Đ - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Ủy ban nhân dân thành phố T: Ông Phạm Đình T - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T: Ông Lại Văn H - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh T: Ông Nguyễn Tiến Sy – Phó giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Ủy ban nhân dân tỉnh T; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1968; anh Hoàng Công V, sinh năm 1991 và anh Hoàng Đình C, sinh năm 1997; cùng địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền của anh V, anh C: Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người khởi kiện ông Hoàng Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Hoàng Thị Y trình bày: Hộ gia đình ông bà gồm có ông Hoàng Văn Đ, vợ bà Hoàng Thị Y và các con là Hoàng Công V, Hoàng Đình C. Hộ gia đình ông bà được chia tiêu chuẩn ruộng 04 khẩu gồm ông, bà và 2 con được cấp khoảng 1.800m² ruộng. Tất cả diện tích ruộng đều được chia ở ngoài đồng và không phân định rõ của từng người. Ngày 05/8/2016, Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thành phố T ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND thu hồi 280.924,3m² đất thuộc địa giới hành chính xã V, phường P, thành phố T, tỉnh T. Gia đình ông bà bị thu hồi 1.170,7m² (3,25 sào) tại thửa 747, tờ bản đồ số 01 diện tích 417,7m², thửa 96, tờ bản đồ 12 diện tích 680m² và thửa 219 tờ bản đồ số 12 diện tích 73m², địa chỉ thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh T; diện tích thu hồi 1.170,7m² gồm tiêu chuẩn ruộng của cả hộ gia đình ông bà. Theo phương án bồi thường của UBND thành phố T, tỉnh T gia đình ông bà được bồi thường, hỗ trợ 234.205.500 đồng tương đương 72.063.230 đồng/sào, thực tế ông bà được nhận 325.000.000 đồng tương đương 100.000.000 đồng/sào; số tiền bồi thường trị giá đất còn không có tài sản xây dựng và cây cối, hoa màu trên đất; bà Y nhận số tiền bồi thường trên vào khoảng tháng 3/2019. Theo Thông báo thu hồi đất, ông bà

được biết UBND thành phố T, tỉnh T sử dụng đất của gia đình ông bà vào mục đích phát triển kinh tế xã hội. Tuy nhiên, sau khi thu hồi đất, UBND thành phố T, tỉnh T giao cho Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu T thực hiện dự án với tên gọi “Khu đô thị mới xã V, thành phố T” trong khi tại Danh mục các công trình dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh T (Ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TLQLĐĐ ngày 27/4/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh T), dự án tại xã V, thành phố T, tỉnh T là “Dự án khu đô thị, thương mại dịch vụ”. Quá trình thực hiện, Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu T đã thực hiện phân lô, bán nền khu đất dự án. Căn cứ quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013, dự án Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu T thực hiện không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất mà thuộc trường hợp Doanh nghiệp phải tự thỏa thuận, thương lượng với người dân trên cơ sở giao dịch dân sự quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013.

Mặt khác, quá trình thu hồi, bồi thường hỗ trợ tái định cư do UBND thành phố T, tỉnh T thực hiện tồn tại nhiều sai phạm, số tiền bồi thường chi trả cho các hộ dân được áp dụng nhiều mức giá khác nhau, ông bà và nhiều người dân đã có ý kiến với UBND xã và chính quyền thôn nhưng UBND xã V và cán bộ thôn ép ông bà và một số hộ dân buộc phải nhận số tiền bồi thường. Khoảng đầu năm 2019, còn lại 40 hộ gia đình không đồng ý giao đất và nhận tiền bồi thường theo phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND thành phố thì các hộ này được bồi thường tiền thu hồi ruộng cao nhất là 175.000.000 đồng/sào. Do thấy việc bồi thường thu hồi ruộng của mọi người khác nhau, những người chấp hành giao ruộng sớm thì được bồi thường thấp, những người không chấp hành giao ruộng thì được bồi thường cao. Vì vậy, ông bà và 200 hộ gia đình cùng làm đơn khiếu nại gửi UBND thành phố T, tỉnh T đề nghị xem xét lại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T, tỉnh T về Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND giải quyết không chấp nhận khiếu nại của ông bà và các hộ gia đình đối với Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T, tỉnh T. Không nhất trí với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020; ông và các hộ gia đình tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh T. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T. Việc Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T và Chủ tịch UBND tỉnh T ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 và Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 đã ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông bà và các hộ gia đình tại thôn P và thôn Phúc Thượng, vị trí ruộng của các hộ như nhau, gia đình ông bà chấp hành theo quy định của Nhà nước thì được bồi thường số tiền thấp còn các hộ gia đình không chấp hành thì được bồi thường số tiền cao, các hộ gia đình nhận tiền sau không

đúng với số tiền bồi thường ghi trong Phương án hỗ trợ giải phóng mặt bằng do UBND thành phố quyết định. Vì vậy, ông Đ khởi kiện đề nghị Tòa án hủy các quyết định sau:

Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T, bà Đặng Thị B (M), ông Hoàng Hải H, bà Hoàng Thị T đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T, tỉnh T (lần đầu).

Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T, tỉnh T đối với Quyết định số 3271/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T; Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T trình bày:

1. Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng: Dự án Khu dân cư mới xã V, thành phố T, tỉnh T đã được UBND tỉnh T phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 và được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án tại Văn bản số 1489/TTg-KTN ngày 23/9/2013. UBND tỉnh T có Văn bản số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 chấp thuận chủ đầu tư dự án. Hội đồng nhân dân tỉnh T có Nghị quyết số 30/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 phê duyệt danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

Căn cứ quy định tại Điều 62, Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của UBND tỉnh T về việc ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND thành phố T, tỉnh T đã ban hành Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân và các Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 5458/QĐ-UBND ngày 19/12/2018, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án (trong đó có hộ ông Hoàng Văn Đ) là đúng căn cứ, đúng thẩm quyền quy định.

2. Về trình tự, thủ tục và chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất: Ngày 05/8/2016, UBND thành phố T, tỉnh T ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất. UBND thành phố T đã ban hành các thông

báo thu hồi đất và gửi đến người có đất bị thu hồi thuộc dự án theo quy định. Ngày 31/8/2016 và ngày 11/9/2016, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T, tỉnh T phối hợp với UBND xã V, thành phố T, tỉnh T, cơ sở thôn, các đơn vị có liên quan và đại diện các hộ dân có đất bị thu hồi hợp để triển khai công tác giải phóng mặt bằng dự án; trong đó: đã triển khai kế hoạch, thông báo thu hồi đất, các quy định của pháp luật về giải phóng mặt bằng. Sau khi thống kê diện tích, chủ sử dụng đất, tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi, nhân khẩu nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án, kiểm đếm tài sản, cây trồng trên đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh T đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND xã V, thành phố T, tỉnh T, cơ sở các thôn tổ chức niêm yết công khai dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

Xét đề nghị của các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND thành phố T, tỉnh T đã ban hành các Quyết định thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án và ban hành các Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 5484/QĐ-UBND ngày 19/12/2018, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 3/7/2019) theo quy định. Các Quyết định thu hồi đất được gửi tới các hộ dân. Phương án bồi thường, hỗ trợ được thực hiện lập, phê duyệt theo đúng đơn giá quy định tại Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 21/01/2016, Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh T và thống nhất chung cho tất cả các hộ dân trong cùng dự án và được thực hiện niêm yết công khai theo quy định. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T, tỉnh T đã phối hợp với UBND xã V, thành phố T, tỉnh T thông báo và tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân (trong đó có hộ ông Hoàng Văn Đ) theo đúng phương án được phê duyệt.

3. Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ khác trong công tác giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình cá nhân có đất nông nghiệp tại xã có đất bị thu hồi từ 1.093m² trở lên: Thực hiện Văn bản số 3089/UBND-KTTNMT ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh T về hỗ trợ khác trong công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố T, UBND thành phố đã có Quyết định số 3562/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 phê duyệt phương án hỗ trợ khác trong công tác giải phóng mặt bằng dự án xây dựng khu dân cư mới xã V và thực hiện chi trả tiền theo quy định (trong đó có hộ ông Hoàng Văn Đ).

4. Về việc thay đổi tên dự án: Tại số thứ tự 154, danh mục các công trình, dự án sử dụng đất năm 2013 tỉnh T ban hành kèm theo Công văn số 2824/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 24/7/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển mục đích trồng lúa trên địa bàn tỉnh T (được Thủ tướng Chính phủ đồng ý chấp thuận tại Văn bản số 1489/TTg-KNT ngày 29/3/2013) tên dự án, công trình là dự án “Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã V, thành phố T” tổng diện

tích 31ha, trong đó đất trồng lúa 25,7ha. Tại Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh T về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư V, thành phố T, tỉnh T dự án có tổng diện tích đất quy hoạch là 31ha. Về thực chất “Khu đô thị, thương mại, dịch vụ xã V, thành phố T” hay “Khu dân cư V, thành phố T” đều là một dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T”, vì dự án cùng một vị trí, địa điểm, diện tích và tại mục căn cứ xem xét, thẩm định dự án trình Thủ tướng Chính phủ có nêu Quyết định số 1717/QĐ-UBND ngày 30/7/2012 của UBND tỉnh T.

5. Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T: Không nhất trí với đơn giá bồi thường, hỗ trợ một số hộ dân có đất thu hồi tại dự án có đơn khiếu nại gửi UBND thành phố T, tỉnh T. Theo đơn khiếu nại đề ngày 28/5/2020 và nội dung làm việc ngày 11/6/2020 của Thanh tra thành phố T, tỉnh T bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T, tỉnh T khiếu nại Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019, Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố T, tỉnh T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” với lý do Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được ban hành trái thẩm quyền. Việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng vi phạm khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Quy trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng không được công khai, minh bạch, không rõ ràng là dự án Nhà nước thu hồi đất hay tư nhân thu hồi đất.

Xem xét giải quyết khiếu nại của các hộ dân, ngày 03/7/2020, UBND thành phố T, tỉnh T có Thông báo số 590/TB-UBND thụ lý giải quyết khiếu nại. Ngày 20/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T ban hành Quyết định số 2411/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T và một số công dân thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T, tỉnh T. Ngày 09/7/2020, Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T ban hành Quyết định số 2323/QĐ-UBND ủy quyền cho Phó Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T giải quyết khiếu nại. Ngày 13/8/2020, Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T ký ban hành Quyết định số 1842/QĐ-UBND gia hạn thời gian giải quyết khiếu nại, thời gian gia hạn giải quyết khiếu nại là 15 ngày làm việc, kể từ ngày 13/8/2020. Ngày 08/9/2020, Đoàn xác minh theo Quyết định số 2411/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 đã phối hợp với các đơn vị liên quan làm việc và lập Biên bản đối thoại với bà Hoàng Thị T và một số công dân thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T, tỉnh T về nội dung giải quyết khiếu nại. Ngày 30/6/2020, Đoàn xác minh có Báo cáo số 03/BC-ĐXM về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T và một số công dân thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T, tỉnh T. Ngày 17/9/2020, Phó Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T (theo Quyết định ủy quyền số 2323/QĐ-UBND

ngày 09/7/2020) đã ký Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Hoàng Thị T và một số công dân thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V và kết luận giữ nguyên nội dung Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016, Quyết định số 1185/QĐ-UBND ngày 04/5/2019, Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 và Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND thành phố T, tỉnh T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án xây dựng “Khu dân cư mới xã V, thành phố T”.

Việc giải quyết khiếu nại vụ việc nêu trên của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T là đảm bảo quy định của Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Vì các căn cứ nêu trên, Chủ tịch UBND thành phố T, Ủy ban nhân dân thành phố T khẳng định toàn bộ quá trình thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và giải quyết khiếu nại liên quan đến đất thu hồi tại dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, một số công dân xã V khiếu kiện các Quyết định hành chính của UBND thành phố T, UBND tỉnh T là không có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày:

1. Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại (lần hai): Chủ tịch UBND dân tỉnh T thụ lý giải quyết khiếu nại (lần hai) của các công dân đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T là bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011 và khoản 7 Điều 22 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

2. Về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai): Sau khi nhận đơn khiếu nại của các công dân, Chủ tịch UBND tỉnh T thực hiện thụ lý, thông báo cho các công dân và giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T xác minh nội dung khiếu nại. Tổ chức đối thoại với các công dân theo quy định trước khi ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai). Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại (lần hai) nêu trên bảo đảm theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

3. Về nội dung trong đơn khiếu nại của các công dân: Căn cứ Báo cáo số 322/BC-STNMT ngày 30/12/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T về

kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ dân thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T, tỉnh T đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND phố T, tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Chủ tịch UBND tỉnh đã giải quyết, làm rõ các nội dung trong đơn khiếu nại của các công dân, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về nội dung *“Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại, cụ thể. Thời gian giải quyết khiếu nại vượt 30 ngày so với quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011”*.

Trong Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T đã nhận định đây là khiếu nại đúng. Tuy nhiên, tồn tại, hạn chế về thời gian giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T không thay đổi bản chất vụ việc và quyền lợi của người dân về các chế độ, chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đã được đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, về nội dung *“Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T bác toàn bộ nội dung khiếu nại (lần đầu) của công dân, giữ nguyên các quyết định về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng khu đô thị mới xã V là không phù hợp với quy định của pháp luật;*

- *Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 chưa giải quyết chính sách an sinh cho các hộ dân bị thu hồi đất nông nghiệp từ 1.093 m² trở lên;*

- *Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 chưa làm rõ hình thức đầu tư BT của dự án khu dân cư mới xã V”*.

Trong Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T đã nhận định đây là khiếu nại sai, vì các lý do sau:

- Về căn cứ, thẩm quyền thu hồi đất, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng: Dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác để thực hiện dự án. Hội đồng nhân dân tỉnh đưa vào danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, chấp thuận chủ đầu tư theo quy định. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T được Ủy ban nhân dân tỉnh T ủy quyền thu hồi đất, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T thực hiện thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” là phù hợp với quy định tại Luật Đất đai năm 2013.

- Về trình tự, thủ tục thu hồi đất, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án: UBND thành phố T, tỉnh T thực hiện thu hồi đất, lập, phê duyệt, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện

dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” đảm bảo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

- Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ khác trong công tác giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình cá nhân có đất nông nghiệp tại xã có đất bị thu hồi từ 1.093m² trở lên: UBND thành phố T, tỉnh T đã lập, phê duyệt và thực hiện chi trả tiền hỗ trợ khác cho các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp tại xã bị thu hồi từ 1.093m² trở lên theo đúng Văn bản số 3089/UBND-KTTNMT ngày 29/6/2020 của UBND tỉnh T.

Như vậy, việc giải quyết khiếu nại của các công dân xã V, thành phố T, tỉnh T của Chủ tịch UBND tỉnh T bảo đảm đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc các công dân xã V, thành phố T, tỉnh T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T, tỉnh T đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là không có cơ sở. Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Y, anh Hoàng Công V, anh Hoàng Đình C trình bày: Ngày 5/8/2016, UBND thành phố T, tỉnh T ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND thu hồi 280.924,3m² đất thuộc địa giới hành chính xã V, phường Phú Khánh, thành phố T, tỉnh T. Gia đình ông Đ bị thu hồi 1.170,7m² (3,25 sào) tại thửa 747, tờ bản đồ số 01 diện tích 417,7m², thửa 96, tờ bản đồ 12 diện tích 680m² và thửa 219, tờ bản đồ số 12 diện tích 73m², địa chỉ thôn P, xã V, thành phố T, tỉnh T. Số ruộng bị thu hồi gồm tiêu chuẩn của cả hộ gia đình. Theo Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng gia đình ông Đ được bồi thường, hỗ trợ 234.205.500 đồng tương đương 72.063.230 đồng/sào, thực tế gia đình ông Đ được nhận 325.000.000 đồng tương đương 100.000.000 đồng/sào. Quá trình thu hồi, bồi thường hỗ trợ tái định cư do UBND thành phố T, tỉnh T thực hiện tồn tại nhiều sai phạm, số tiền bồi thường chi trả cho các hộ dân được áp dụng nhiều mức giá khác nhau, ông Đ và nhiều người dân đã có ý kiến với UBND xã và chính quyền thôn nhưng UBND xã V và cán bộ thôn ép gia đình ông Đ và một số hộ dân buộc phải nhận số tiền bồi thường. Khoảng đầu năm 2019, còn lại 40 hộ gia đình không đồng ý giao đất và nhận tiền bồi thường theo Phương án bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND thành phố thì các hộ này được bồi thường tiền thu hồi ruộng cao nhất là 175.000.000 đồng/sào. Do thấy việc bồi thường thu hồi ruộng của mọi người khác nhau, những người chấp hành giao ruộng sớm thì được bồi thường thấp, những người không chấp hành giao ruộng thì được bồi thường cao đã ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ gia đình ông Đ, vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Đ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 147/2022/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 3 Điều 62 và các Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 77, Điều 83, Điều 84, Điều 88, Điều 89, Điều 90, Điều 93, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ; Điều 18, Điều 21, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 22, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

1. Bác đơn khởi kiện của ông Hoàng Văn Đ yêu cầu hủy các quyết định sau:

1.1. Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Xây dựng khu dân cư mới xã V, thành phố T, tỉnh T;

1.2. Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T, bà Đặng Thị B (Mai), ông Hoàng Hải Huân, bà Hoàng Thị T đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T, tỉnh T (lần đầu);

1.3. Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T, tỉnh T đối với Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

2. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 06/10/2022, người khởi kiện ông Hoàng Văn Đ có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Hoàng Thị Y đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Đ giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của bà Hoàng Thị Y; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh T có đủ căn cứ khẳng định Tòa

án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Hoàng Văn Đ là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Đ, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh T, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Ngày 10/5/2021, ông Hoàng Văn Đ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T; Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T, tỉnh T; Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T; khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh T thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND thành phố T, tỉnh T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng.

[2.1] Về thẩm quyền: UBND thành phố T, tỉnh T ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về trình tự, thủ tục, nội dung thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất: Ngày 05/8/2016, UBND thành phố T, tỉnh T đã ban hành Kế hoạch số 105/KH-UBND về việc thu hồi đất. Sau đó, UBND thành phố T, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã phối hợp với UBND xã V ban hành thông báo về việc thu hồi đất, gửi đến người có đất bị thu hồi và niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tiếp nhận ý kiến và giải đáp thắc mắc của các hộ gia đình, cá nhân về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đồng thời tổng hợp, hoàn thiện phương án trình các phòng, ban đơn vị liên quan của UBND thành phố thẩm định.

Ngày 01/12/2016, UBND thành phố T, tỉnh T ban hành Quyết định số 13498/QĐ-UBND thu hồi 1.165,8 m² đất (loại đất: BHK; LUC) của hộ gia đình ông Hoàng Văn Đ, bà Hoàng Thị Y thuộc thửa đất số 747, 96, 219, tờ bản đồ địa chính số 01, 12 thuộc địa giới hành chính xã V; hộ gia đình ông Đ không khiếu nại gì đối với quyết định thu hồi đất. Cùng ngày 01/12/2016, UBND thành phố T, tỉnh T ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án. Theo Phương án bồi thường, hỗ

trợ, giải phóng mặt bằng kèm theo Quyết định số 13577/QĐ-UBND thì hộ ông Đ diện tích ruộng bị thu hồi tại thửa 747 là 417,7m²; thửa 96 là 675,1m²; thửa 219 là 73,0m²; tổng là 1.165,8m². Diện tích được bồi thường thửa 747 là 417,7m²; thửa 96 là 680m²; thửa 219 là 73m²; tổng là 1.170,7m². Gia đình ông Đ được bồi thường các khoản gồm: Bồi thường về đất là 49.169.400 đồng; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm là 73.754.100 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất là 8.280.000 đồng; hỗ trợ khác theo Công văn số 1346/UBND-NNTNMT ngày 07/5/2015 của UBND tỉnh T là 98.338.800 đồng; bồi thường hỗ trợ tài sản xây dựng, cây cối hoa màu: 4.663.200 đồng. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ là 234.205.500 đồng.

Sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng được UBND thành phố T phê duyệt, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã thực hiện việc niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án, công khai mức bồi thường, hỗ trợ đồng thời thông báo quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tới các hộ gia đình, cá nhân.

Thực hiện các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng của UBND thành phố T, tỉnh T, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã phối hợp với UBND xã V tổ chức thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình, cá nhân theo đúng phương án đã được UBND thành phố phê duyệt. Bà Hoàng Thị Y đã nhận đủ số tiền bồi thường 234.205.500 đồng.

Như vậy, UBND thành phố T, tỉnh T đã thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và đảm bảo chính sách bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Đ theo đúng quy định tại các Điều 74, Điều 75, Điều 77, Điều 83, Điều 84, Điều 90 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các Quyết định, Công văn của UBND tỉnh T.

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận thu hồi đất để “Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng” trong đó có “Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư mới...” theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013 và Quyết định số 2124/UBND-MCLT ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh T chấp thuận Chủ đầu tư dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” là Công ty cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu T thực hiện dự án đối ứng tạo nguồn thu từ giá trị quyền sử dụng đất để thanh toán cho công trình đường Kỳ Đồng kéo dài thành phố T theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) nên dự án không thuộc trường hợp doanh nghiệp thỏa thuận về giá chuyển nhượng với người có đất thu hồi.

Ngoài ra, ông Đ, bà Y, anh V, anh C cho rằng việc bồi thường về đất cho

các hộ dân mỗi người mức giá khác nhau và số tiền người nhận nhiều nhất là 175.000.000 đồng là không công bằng; tuy nhiên, ông Đ, bà Y, anh V, anh C không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Các tài liệu người bị kiện giao nộp thể hiện tất cả các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức Nhà nước có Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án “Khu dân cư mới xã V, thành phố T” đều được áp dụng chung cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, đảm bảo nguyên tắc công bằng theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Không có tài liệu nào thể hiện việc UBND thành phố T, tỉnh T áp giá bồi thường cao hơn cho một số hộ gia đình khác như ý kiến của ông Đ, bà Y, anh V, anh C trình bày.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu):

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Để giải quyết khiếu nại của bà Hoàng Thị T và người đại diện cho một số công dân xã V, thành phố T, tỉnh T (trong đó có ông Hoàng Văn Đ). Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T đã thụ lý khiếu nại, quyết định thành lập đoàn xác minh nội dung khiếu nại, thu thập các tài liệu liên quan, tiến hành đối thoại với bà T và những người đại diện. Ngày 17/9/2020, Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T ban hành Quyết định số 3272/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) là đúng quy định tại Điều 204 Luật Đất Đai năm 2013; Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các Điều 18, Điều 27, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011.

[3.2] Về nội dung: Theo như phân tích tại mục [2] thì UBND thành phố T, tỉnh T ban hành Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng Dự án là đúng quy định của pháp luật. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T đã giữ nguyên Quyết định số 13577/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của ông Đ đề nghị hủy Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T là có căn cứ.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại (lần hai):

[4.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh T đã thụ lý khiếu nại (lần hai) của bà Hoàng Thị T cùng 04 công dân đại diện cho một số hộ gia đình, cá nhân thôn P, thôn Phúc Thượng, xã V, thành phố T, tỉnh T (trong đó có ông Hoàng Văn Đ) và giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T tiến hành xác minh khiếu nại, tiến hành đối thoại với người khiếu nại. Ngày 05/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh T đã ban hành Quyết định số 520/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại (lần hai) là đúng quy định tại Điều 22 Luật Tổ chức chính

quyền địa phương và các Điều 21, Điều 36, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011.

[4.2] Về nội dung: Quyết định giải quyết khiếu nại số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T đã công nhận và giữ nguyên Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T. Theo như phân tích tại mục [3] thì Quyết định số 3272/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu của ông Đ đề nghị hủy Quyết định số 520/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh T là có căn cứ.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy tại cấp phúc thẩm ông Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đ; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm.

[6] Về án phí: Do ông Hoàng Văn Đ là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí hành chính phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Đ.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn Đ; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 147/2022/HC-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Hoàng Văn Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam Nguyễn Văn Cường

Lê Thị Thúy Bình